

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 227/2022/DS-ST.

Ngày: 30/09/2022.

Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Ngô Minh Cường

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Hoàng Thị An
2. Bà Nguyễn Thị Mai

- *Thư ký phiên toà:* Ông Hoàng Xuân Hiếu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà:* Bà Trịnh Thị Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 09 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số 128/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2022/QĐXX-ST ngày 26 tháng 08 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2022/QĐHPT-ST ngày 14 tháng 09 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần QTVN (sau đây gọi tắt là V); Trụ sở: Tầng 1 (tầng trệt) và tầng 2 tòa nhà S, số 111A P, phường BN, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V - Chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thành C - Chức vụ: Giám đốc THN TT và XLN – Trung tâm QLN NHBL - V theo Giấy ủy quyền số 94287.21 ngày 08/11/2021 của Tổng giám đốc V.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Hoàng Ngọc S – Cán bộ Ngân hàng Thương mại cổ phần QTVN (Theo Giấy ủy quyền số 054149.22 ngày 25/5/2022).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T - Sinh năm 1985; Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn HL 2, xã TL, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 01/4/2020 Ngân hàng TMCP QTVN (V) - PGD MK ký với ông Nguyễn Văn T Hợp đồng tín dụng số

7078127.20 với nội dung: Số tiền giải ngân: 490.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm chín mươi triệu đồng); Mục đích giải ngân: Thanh toán mua 01 xe ô tô; Thời hạn vay: 96 tháng kể từ ngày 02/04/2020 đến ngày 01/04/2028; lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9,6/năm, Lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất thông thường là lãi suất cơ sở theo sản phẩm trong kỳ + biên độ 3,5%/năm) và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay, Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 3 tháng 1 lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm theo quy định của V tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,1/năm; Hoàn trả khoản vay gốc: Hàng tháng vào ngày 25 với số tiền: 5.104.166 VNĐ/tháng; số tiền còn lại trả nợ vào kỳ cuối ngày 01/04/2028; Hoàn trả lãi: Hàng tháng vào ngày 25 theo dư nợ thực tế; Trả phí: theo quy định của V từng thời kỳ; Lãi quá hạn bằng 150 % lãi trong hạn.

V đã giải ngân cho ông Nguyễn Văn T theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 7078127(1).20 ngày 01/04/2020 với số tiền 490.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với Hợp đồng tín dụng.

Ngày 08/04/2020, ông Nguyễn Văn T đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế tại PGD MK, hạn mức là 32.000.000 đồng, mục đích sử dụng: tiêu dùng. Căn cứ đơn đề nghị của ông Nguyễn Văn T, ngày 08/04/2020 Ngân hàng TMCP QTVN (V) ~ PGD MK đã chấp thuận và phát hành cho ông Nguyễn Văn T được sử dụng thẻ tín dụng tại V với hạn mức phê duyệt là: 32.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông Nguyễn Văn T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh vì vậy V yêu cầu buộc ông Tiến phải trả nợ ngay toàn bộ số tiền còn nợ.

* Bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của tòa án.

Tại phiên tòa:

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân thủ tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa .

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu loại án phí có giá ngạch tương ứng với số tiền phải trả nợ cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập do đó Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật: Tòa án thụ lý vụ án “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung: Ngày 01/4/2020 Ngân hàng TMCP QTVN (V) - PGD MK ký với ông Nguyễn Văn T Hợp đồng tín dụng số 7078127.20 với nội dung: Số tiền giải ngân: 490.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm chín mươi triệu đồng); Mục

đích giải ngân: Thanh toán mua 01 xe ô tô; Thời hạn vay: 96 tháng kể từ ngày 02/04/2020 đến ngày 01/04/2028; lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9,6%/năm, Lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất thông thường là lãi suất cơ sở theo sản phẩm trong kỳ + biên độ 3,5%/năm) và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay, Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 3 tháng 1 lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm theo quy định của V tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,1%/năm; Hoàn trả khoản vay gốc: Hàng tháng vào ngày 25 với số tiền: 5.104.166 VNĐ/tháng; số tiền còn lại trả nợ vào kỳ cuối ngày 01/04/2028; Hoàn trả lãi: Hàng tháng vào ngày 25 theo dư nợ thực tế; Trả phí: theo quy định của V từng thời kỳ; Lãi quá hạn bằng 150 % lãi trong hạn.

V đã giải ngân cho ông Nguyễn Văn T theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 7078127(1).20 ngày 01/04/2020 với số tiền 490.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với Hợp đồng tín dụng.

Ngày 08/04/2020, ông Nguyễn Văn T đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế tại PGD MK, hạn mức là 32.000.000 đồng, mục đích sử dụng: tiêu dùng. Căn cứ đơn đề nghị của ông Nguyễn Văn T, ngày 08/04/2020 Ngân hàng TMCP QTVN (V) ~ PGD MK đã chấp thuận và phát hành cho ông Nguyễn Văn T được sử dụng thẻ tín dụng tại V với hạn mức phê duyệt là 32.000.000 đồng.

Xét thấy: Hợp đồng tín dụng được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc. Hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp qui định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội do đó hợp đồng tín dụng có hiệu lực kể từ thời điểm giao kết. Nay V yêu cầu là có căn cứ để chấp nhận buộc bên vay trả số tiền nợ gốc của Hợp đồng tín dụng số 7078127.20 là 413.437.510 đồng; số tiền nợ gốc của Hợp đồng thẻ tín dụng là 31.624.566 đồng.

Về nợ lãi và phí theo số liệu do V sao kê cung cấp tính đến ngày xét xử đối chiếu với các quyết định điều chỉnh lãi suất thì thấy việc tính lãi của các Hợp đồng trên đã đúng nên không cần điều chỉnh lại.

[4] Về án phí:

[4.1] Bị đơn phải nộp án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung công quỹ Nhà nước.

[4.2] Hoàn trả lại cho V số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 463, 465, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự 2015; điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 163, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần QTVN

đối với ông Nguyễn Văn T.

2. Buộc ông Nguyễn Văn T trả nợ cho V (tính đến ngày 30/09/2022) tổng số tiền là **592.406.599 đồng**, trong đó:

+ Nợ gốc của Hợp đồng tín dụng số 7078127.20 là 413.437.510 đồng; Nợ lãi trong hạn là 19.033.648 đồng; Nợ lãi quá hạn là 75.868.356 đồng.

+ Nợ gốc của Hợp đồng thẻ tín dụng là 31.624.566 đồng; Nợ lãi là 11.930.303 đồng; Nợ phí là 40.512.216 đồng;

3. Kể từ ngày 01/10/2022, hàng tháng ông Nguyễn Văn T còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 7078127.20 đã ký với V ngày 01/04/2020 và Hợp đồng thẻ tín dụng đã ký với V ngày 08/04/2020

4. Án phí :

+ Buộc ông Nguyễn Văn T phải nộp 27.696.000đ (Hai mươi bảy triệu, sáu trăm chín mươi sáu nghìn đồng) tiền án phí Dân sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

+ Hoàn trả lại cho V 11.452.000đ (Mười một triệu, bốn trăm năm mươi hai nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2020/0046617 ngày 29/06/2022 của Chi cục Thi hành án huyện Đông Anh.

5. Kể từ ngày bản án có hiệu lực thi hành, theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt tại phiên tòa đều có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hợp lệ.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND. huyện Đông Anh;
- Chi cục THADS. huyện Đông Anh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Ngô Minh Cường

Tính đến ngày 30/09/2022, ông Nguyễn Văn T còn nợ V tổng số tiền là: 508.339.514 đồng, trong đó: Nợ gốc = 413.437.510 đồng; Nợ lãi trong hạn = 19.033.648 đồng; Nợ lãi quá hạn = 75.868.356 đồng.

Nay V yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn T trả ngay số tiền trên.

Đề nghị Quý Tòa tiếp tục tính lãi cho đến khi ông Tiến thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng

*** Bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của tòa án.**

Tại phiên tòa:

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân thủ tổ tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên toà .

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu loại án phí có giá ngạch tương ứng với số tiền phải trả nợ cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập do đó Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật: Tòa án thụ lý vụ án “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung: Ngày 01/4/2020 Ngân hàng TMCP QTVN (V) - PGD MK ký với ông Nguyễn Văn T Hợp đồng tín dụng số 7078127.20 với nội dung: Số tiền giải ngân: 490.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm chín mươi triệu đồng); Mục đích giải ngân: Thanh toán mua 01 xe ô tô; Thời hạn vay: 96 tháng kể từ ngày 02/04/2020 đến ngày 01/04/2028; lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9,6/năm, Lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất thông thường là lãi suất cơ sở theo sản phẩm trong kỳ + biên độ 3,5%/năm) và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay, Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 3 tháng 1 lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm theo quy định của VIB tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,1/năm; Hoàn trả khoản vay gốc: Hàng tháng vào ngày 25 với số tiền: 5.104.166 VNĐ/tháng; số tiền còn lại trả nợ vào kỳ cuối ngày 01/04/2028; Hoàn trả lãi: Hàng tháng vào ngày 25 theo dư nợ thực tế; Trả phí: theo quy định của V từng thời kỳ; Lãi quá hạn bằng 150 % lãi trong hạn.

V đã giải ngân cho ông Nguyễn Văn T theo Đơn đề nghị giải ngân kèm Khế ước nhận nợ số 7078127(1).20 ngày 01/04/2020 với số tiền 490.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với Hợp đồng tín dụng.

Ngày 08/04/2020, ông Nguyễn Văn T đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế tại PGD MK, hạn mức là 32.000.000 đồng, mục đích sử dụng: tiêu dùng. Căn cứ đơn đề nghị của ông Nguyễn Văn T, ngày 08/04/2020 Ngân hàng TMCP QTVN (V) ~ PGD MK đã chấp thuận và phát hành cho Ông/bà Nguyễn Văn T được sử dụng thẻ tín dụng tại V với hạn mức phê duyệt là: 32.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông Nguyễn Văn T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh,

Tính đến ngày 30/09/2022, ông Nguyễn Văn T còn nợ V tổng số tiền Quá trình thực hiện hợp đồng bên vay đã phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh,

Xét thấy: Hợp đồng tín dụng được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc. Hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp qui định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội do đó hợp đồng tín dụng có hiệu lực kể từ thời điểm giao kết. Nay V yêu cầu là có căn cứ để chấp nhận buộc bên vay trả số tiền nợ gốc là 413.437.510 đồng.

Về nợ lãi trong hạn theo số liệu do V sao kê cung cấp tính đến ngày xét xử đối chiếu với các quyết định điều chỉnh lãi suất thì thấy việc tính lãi của Hợp đồng trên đã đúng nên không cần điều chỉnh lại.

[4] Về án phí:

[4.1] Bị đơn phải nộp án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung công quỹ Nhà nước.

[4.2] Hoàn trả lại cho V số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 463, 465, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự 2015; điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 163, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần QTVN đối với ông Nguyễn Hữu Thành và bà Nguyễn Thị Dung.

2. Buộc ông Nguyễn Hữu Thành và bà Nguyễn Thị Dung trả nợ cho V (*tính đến ngày 30/09/2022*) tổng số tiền là 508.339.514 đồng, trong đó: Nợ gốc = 413.437.510 đồng; Nợ lãi trong hạn = 19.033.648 đồng; Nợ lãi quá hạn = 75.868.356 đồng.

3. Kể từ ngày 31/09/2022, hàng tháng ông Nguyễn Hữu Thành và bà Nguyễn Thị Dung còn phải chịu tiền lãi trên số nợ gốc chưa trả theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 860 1656.19 đã ký với V ngày 30/12/2019.

4. Án phí :

+ Buộc ông Nguyễn Hữu Thành và bà Nguyễn Thị Dung phải nộp 24.333.000đ (*Hai mươi bốn triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn đồng*) tiền án phí Dân sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

+ Hoàn trả lại cho V 10.979.000đ (*Mười triệu, chín trăm bảy mươi chín*

ngàn ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2020/0046616 ngày 29/6/2021 của Chi cục Thi hành án huyện Đông Anh.

5. Kể từ ngày bản án có hiệu lực thi hành, theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt tại phiên tòa đều có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hợp lệ.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND. huyện Đông Anh;
- Chi cục THADS. huyện Đông Anh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Ngô Minh Cường

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Ngô Minh Cường

